

Số: **3781** /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **31** tháng **10** năm **2016**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố 21 thủ tục hành chính áp dụng giải quyết tại cấp xã được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mới, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 203/TT-SKHĐT ngày 01/9/2016.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này là 21 thủ tục hành chính áp dụng giải quyết tại cấp xã được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai.

Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành, thì áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Thường trực Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



**Đặng Xuân Phong**



**21 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG GIẢI QUYẾT TẠI CẤP XÃ  
ĐƯỢC CHUẨN HÓA TÊN VÀ NỘI DUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

*theo Quyết định số 3784 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Lào Cai*

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

S T T	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN		GHI CHÚ
			Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định	
<b>I. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>					
<b>Mục 1. Đầu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>					
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (Luật Đấu thầu); - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP).	Chủ đầu tư, Bên mời thầu	Chủ đầu tư, Bên mời thầu	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BKHĐT-BTC của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài	Bên mời thầu, Nhà thầu	Bên mời thầu, Nhà thầu	

		chính ngày 08/9/2015 quy định chi tiết việc cung cấp đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng (Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BKHĐT-BTC).			
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BKHĐT-BTC.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Nhà thầu	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Nhà thầu	
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 26/10/2015 quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT).	Tổ chức thẩm định, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Tổ chức thẩm định, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định chi tiết lập Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn (Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT); - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT).	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT của Bộ	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	

		<p>Kế hoạch và Đầu tư ngày 6 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu xây lắp (Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT);</p> <p>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</p>			
7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	<p>- Luật đấu thầu;</p> <p>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 16 tháng 6 năm 2015 quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa (Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT);</p> <p>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p> <p>Chủ đầu tư</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p> <p>Chủ đầu tư</p>	
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	<p>- Luật đấu thầu;</p> <p>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT</p> <p>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p> <p>Chủ đầu tư</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p> <p>Chủ đầu tư</p>	
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	<p>- Luật đấu thầu;</p> <p>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</p> <p>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</p> <p>- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 Quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh (Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT);</p> <p>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p> <p>Chủ đầu tư</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p> <p>Chủ đầu tư</p>	
10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	<p>- Luật đấu thầu;</p> <p>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p>	<p>Tổ chức thẩm định,</p>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
12	Phê duyệt danh sách ngắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	
13	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.</li> </ul>	Bên mời thầu	Bên mời thầu	
14	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</li> </ul>	Bên mời thầu	Bên mời thầu	
15	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Bên mời thầu	Bên mời thầu	

16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Bên mời thầu	Bên mời thầu	
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Nhà thầu	Nhà thầu	
18	Mở thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Bên mời thầu	Bên mời thầu	
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</li> </ul>	Bên mời thầu	Bên mời thầu	
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</li> </ul>	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> </ul>	Bên mời thầu,	Bên mời thầu,	

		- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	Chủ đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	
--	--	-------------------------------	--	---	--